

Bản án số: 03/2023/DS-PT

Ngày: 20/02/2023

“V/v tranh chấp hợp đồng xây
dựng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Đức Thanh**

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hồng Ánh**

bà **Nguyễn Thúy Hằng**

- Thư ký phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Hoa Lê** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh: bà **Nguyễn Thị Thu Hà** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 02 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST, ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố HL bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông **Vũ Sĩ T**

Địa chỉ: 125 HQV, phường NĐ, quận CG, TP. Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Phạm Anh H- Địa chỉ: phòng 909, tầng 9, tòa nhà Viglacera, số 1, đại lộ TL, phường MT, quận NTL, TP. Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 9 năm 2022). Có mặt tại phiên tòa.

- Bà Đinh Thị H1 - Địa chỉ: phòng 909, tầng 9, tòa nhà Viglacera, số 1, đại lộ TL, phường MT, quận NTL, TP. Hà Nội (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 9 năm 2022). Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: **Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN** (viết tắt là Công ty SH); địa chỉ trụ sở: tổ 53, khu 6, phường CT, TP.HL, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Huy H3- Chức vụ: Giám đốc Công ty. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Phạm Văn T1

Địa chỉ: tổ 8, khu 5, phường YK, TP.HL, tỉnh Quảng Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 19 tháng 11 năm 2021, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà **Nguyễn Thị Kim P**

Địa chỉ: 501 CT 1B2-ĐT XL, phường PL, quận HĐ, TP. Hà Nội, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

4. Người giám định:

- Ông Vũ Duy P1 - Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty cổ phần liên doanh tư vấn và xây dựng - COFEC.

- Ông Thái Bá H3 - Chức vụ: nhân viên Công ty cổ phần liên doanh tư vấn và xây dựng - COFEC.

- Ông Đào Văn T2 - Chức vụ: nhân viên Công ty cổ phần liên doanh tư vấn và xây dựng - COFEC.

- Ông Vũ Quốc T3 - Chức vụ: nhân viên Công ty cổ phần liên doanh tư vấn và xây dựng - COFEC.

- Bà Lưu Thu T4- Chức vụ: nhân viên Công ty cổ phần liên doanh tư vấn và xây dựng - COFEC.

- Bà Đỗ Thị H4 - Chức vụ: nhân viên Công ty cổ phần liên doanh tư vấn và xây dựng - COFEC.

Cùng địa chỉ: số 6, ngách 49, ngõ 64, NLB, phường Ô CD, quận ĐĐ, TP. Hà Nội, đều vắng mặt (đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Bạn ông Vũ Sĩ T là bà Nguyễn Thị Kim P là người sử dụng thửa đất số 26, tờ bản đồ số 46 tại khu 9, phường BS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 501594 do UBND thành phố UB cấp ngày 30/6/2020. Đến đầu năm 2021, bà Nguyễn Thị Kim P có nhu cầu xây dựng nhà Biệt thự để ở trên thửa đất nêu trên. Do đặc thù công việc nên bà Nguyễn Thị Kim P đã nhờ ông Vũ Sĩ T thực hiện toàn bộ công việc liên quan đến thi công xây dựng công trình.

Theo đó, ngày 27/3/2021, ông Vũ Sĩ T đã ký Hợp đồng số 01/HĐKT-XDĐT về việc thi công nhà trọn gói tại địa chỉ: phường BS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh với Công ty SH (sau đây viết tắt là “Hợp đồng”). Theo Hợp đồng nêu trên, ông Vũ Sĩ T là chủ đầu tư, đồng thời là bên giao thầu; Công ty SH là bên nhận thầu thi công xây dựng trọn gói công trình gồm: Nhà ở, khuôn viên, cây xanh, hàng rào, bể bơi theo đúng thiết kế và dự toán đã được duyệt; thời gian thi công là 90 ngày (từ ngày 01/4/2021 đến ngày 10/7/2021); giá trị Hợp đồng là: 2.844.000.000 đồng. Ngày 13/4/2021, công trình được Phòng quản lý đô thị - UBND thành phố UB cấp Giấy phép xây dựng số 260/GPXD.

Thực hiện Hợp đồng, ông Vũ Sĩ T và bà Nguyễn Thị Kim P đã thanh toán cho Công ty SH đến 85% giá trị Hợp đồng, tương ứng với số tiền 2.417.000.000 đồng. Công ty SH đã thực hiện thi công các hạng mục công trình: Nhà chính, cổng tường rào, bể bơi. Tuy nhiên, trong quá trình thi công, Công ty SH đã thi công nhiều hạng mục không đúng thiết kế đã được phê duyệt. Do đó, ông Vũ Sĩ T đã thuê bên thứ ba tiến hành thẩm định, kiểm tra chất lượng thì phát hiện nhiều hạng mục công trình thi công không đúng thiết kế, không đảm bảo chất lượng theo

TCVN về xây dựng. Ngày 08/7/2021, các bên đã thống nhất dừng thực hiện Hợp đồng. Ngày 04/10/2021, các bên đã xác nhận 23 lỗi vi phạm tại công trình Công ty SH thi công. Đến nay, ông Vũ Sĩ T đã nhiều lần liên hệ Công ty SH để giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc thi công không đúng thiết kế, không đảm bảo chất lượng, song không được Công ty SH phối hợp giải quyết.

Đồng thời, căn cứ Hồ sơ thiết kế được duyệt, Giấy phép xây dựng công trình đã được cấp và Phụ lục 2 về phân cấp công trình xây dựng theo quy mô kết cấu kèm theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng; thì công trình nhà ở Biệt thự nêu trên thuộc công trình cấp III. Theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 83 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP hướng dẫn một số nội dung quản lý dự án đầu tư xây dựng, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình phải có *chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng*. Như vậy, theo đúng quy định của pháp luật xây dựng thì tại thời điểm ký kết Hợp đồng với ông Vũ Sĩ T, Công ty SH phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp với công trình cấp III còn thời hạn. Tuy nhiên, sau khi phát sinh sự việc Công ty SH thi công các hạng mục công trình không đúng thiết kế, không đảm bảo chất lượng nêu trên, ông Vũ Sĩ T mới tìm hiểu và được biết là Công ty SH không có trong danh sách tổ chức đã được cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng công bố tại trang thông tin điện tử Cục quản lý hoạt động Xây dựng – Bộ Xây dựng. Theo đó, việc Công ty SH biết rõ mình không có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng nhưng vẫn ký kết hợp đồng và thực hiện thi công xây dựng công trình nhà ở Biệt thự nêu trên là đã vi phạm quy định cấm tại khoản 6 Điều 12 Luật Xây dựng 2014: “*Nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng khi không đủ điều kiện năng lực để thực hiện hoạt động xây dựng*” và căn cứ quy định tại Điều 123 Bộ luật dân sự 2015 thì Hợp đồng số 01/HĐKT-XDĐT ký ngày 27/3/2021 giữa ông Vũ Sĩ T và Công ty SH là hợp đồng vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Qua đối chiếu, rà soát và có sự thẩm định cả bên thứ ba, ông Vũ Sĩ T xác định giá trị khối lượng công việc mà Công ty SH đã thi công đến thời điểm dừng thi công (ngày 08/7/2021) là: 1.655.538.880 đồng và chi phí dự toán để khắc phục, sửa chữa 23 lỗi vi phạm của Công ty SH tại công trình là: 633.357.340 đồng.

Vì các lý do trên, nay căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ông Vũ Sĩ T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh giải quyết các yêu cầu sau:

1/ Tuyên hợp đồng số 01/HĐKT-XDĐT ngày 27/03/2021 về việc thi công nhà trọn gói giữa ông T và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN vô hiệu.

2/ Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN hoàn trả giá trị ông T đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình, tạm tính là 781.461.120 đồng.

3/ Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN bồi thường thiệt hại chi phí khắc phục, sửa chữa các lỗi Công ty SH thi công sai thiết kế, không đảm bảo chất lượng với giá trị tạm tính là 633.357.340 đồng.

4/ Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải trả cho ông T số tiền lãi trên giá trị ông đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình như tại mục 2 đã nêu trên kể từ thời điểm dừng thực hiện hợp đồng (ngày 08/7/2021) cho đến khi hoàn trả đủ cho ông giá trị này.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:**

Ngày 27/3/2021, bên giao thầu là ông Vũ Sĩ T và bên nhận thầu là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN ký hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-XĐĐT ngày 27/3/2021 về việc thi công nhà trọn gói, với nội dung thực hiện thi công xây dựng trọn gói công trình dựa theo đúng thiết kế, bản vẽ tại địa chỉ phường BS, TP.UB, tỉnh Quảng Ninh; thời gian thi công là 90 ngày (từ ngày 01/4/2021 đến ngày 10/7/2021); giá trị Hợp đồng là: 2.844.000.000 đồng. Ngày 13/4/2021, công trình được Phòng quản lý đô thị - UBND thành phố UB cấp Giấy phép xây dựng số 260/GPXD.

Thực hiện Hợp đồng, ông Vũ Sĩ T và bà Nguyễn Thị Kim P đã thanh toán cho Công ty SH đến 85% giá trị hợp đồng, tương ứng với số tiền 2.417.000.000 đồng. Công ty SH đã thực hiện thi công các hạng mục công trình: Nhà chính, cổng tường rào, bể bơi. Ông T cho rằng việc thi công công trình đã xảy ra một số lỗi khác với bản thiết kế, Công ty SH mong muốn 2 bên cùng nhau xác định lại hiện trạng công trình và Công ty SH sẽ khắc phục những lỗi sai thiết kế. Tuy nhiên, ông T lại tự lập biên bản các lỗi vi phạm và ép Công ty SH ký vào biên bản đó, không cho tiếp tục thi công. Ông T còn yêu cầu phải hoàn trả số tiền tạm ứng thi công công trình là 781.461.120 đồng, nhưng tất cả số tiền tạm ứng thi công công trình đã được Công ty SH dùng để đặt mua nguyên vật liệu.

Căn cứ tại khoản 1 Điều 8 Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT-XĐĐT ngày 27/3/2021 đã được ký giữa hai bên: “một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng xây dựng đã ký kết”.

Công ty SH cho rằng ông T đã không thiện chí giải quyết vấn đề, không thực hiện đúng quy định hợp đồng khi không thông báo bằng văn bản về việc tạm dừng thi công mà lại tự ý cho dừng thi công công trình.

Do đó, ông Hải đề nghị Tòa án nhân dân thành phố HL tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T do không có căn cứ pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:**

Tôi là người sử dụng thửa đất số 26, tờ bản đồ số 46 tại khu 9, phường BS, thành phố UB, tỉnh Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 501594 do UBND thành phố UB cấp ngày 30/6/2020. Đầu năm 2021, tôi có nhu cầu xây dựng nhà Biệt thự để ở trên thửa đất nêu trên. Do đặc thù công việc nên tôi đã nhờ ông Vũ Sĩ T là bạn của tôi thực hiện toàn bộ công việc liên quan đến thi công xây dựng công trình.

Ngày 27/3/2021 ông Vũ Sĩ T đã ký Hợp đồng số 01/HĐKT-XĐĐT với Công ty SH để thi công công trình nhà Biệt thự nêu trên. Thực hiện Hợp đồng, chúng tôi đã thanh toán cho Công ty SH đến 85% giá trị Hợp đồng, tương ứng với số tiền 2.417.000.000 đồng. Công ty SH đã thực hiện thi công các hạng mục công trình: Nhà chính, cổng tường rào, bể bơi. Tuy nhiên, trong quá trình thi công, Công ty SH đã thi công nhiều hạng mục không đúng thiết kế đã được phê duyệt. Do đó, ông Vũ Sĩ T đã thuê bên thứ ba tiến hành thẩm định, kiểm tra chất lượng thì phát hiện nhiều hạng mục công trình thi công không đúng thiết kế, không đảm bảo chất lượng theo TCVN về xây dựng. Ngày 08/7/2021, các bên đã thống nhất dừng thực hiện Hợp đồng. Ngày 04/10/2021, các bên đã xác nhận 23 lỗi vi phạm tại công trình Công ty SH thi công. Sau đó, ông Vũ Sĩ T đã nhiều lần liên hệ Công ty SH để giải quyết các vấn đề phát sinh từ việc thi công không đúng thiết kế, không đảm bảo

chất lượng, song không được Công ty SH phối hợp giải quyết. Do đó, ông Vũ Sĩ T đã phải nộp đơn khởi kiện tới Quý Tòa, tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tôi và ông T.

* *Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng số 01/HĐKT-XĐĐT ngày 27/3/2021 về việc thi công nhà trọn gói giữa ông T và Công ty SH vô hiệu. Đối với yêu cầu buộc Công ty SH hoàn trả giá trị ông T đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình, tạm tính là 781.461.120 đồng và bồi thường thiệt hại chi phí khắc phục, sửa chữa các lỗi Công ty SH thi công sai thiết kế, không đảm bảo chất lượng với giá trị tạm tính là 633.357.340 đồng, nay đã có kết luận giám định tư pháp về xây dựng nên nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc Công ty SH hoàn trả giá trị ông T đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình là 769.323.520 đồng và bồi thường thiệt hại chi phí khắc phục, sửa chữa các lỗi do Công ty SH thi công sai thiết kế, không đảm bảo chất lượng với giá trị là 480.039.400 đồng. Buộc Công ty SH phải trả cho ông Vũ Sĩ T số tiền lãi phát sinh trên giá trị ông Vũ Sĩ T đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình, số tiền là 769.323.520 đồng với mức lãi suất 10%/năm, tính từ thời điểm dừng thực hiện hợp đồng (ngày 08/7/2021) đến ngày 21/10/2022, số tiền là 99.063.577 đồng. Nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc Công ty SH hoàn trả cho nguyên đơn tiền làm hồ sơ thiết kế công trình là 20.000.000 đồng.

* *Tại phiên tòa đại diện bị đơn trình bày:* Công ty SH đã nhận tạm ứng của chủ đầu tư 2.417.000.000 đồng, tổng giá trị công trình Công ty SH đã xây dựng tính đến thời điểm dừng thi công là 2.623.101.000 đồng, như vậy số tiền bên chủ đầu tư còn phải thanh toán cho Công ty SH là 206.101.680 đồng. Đối với chi phí để khắc phục 23 lỗi sai so với thiết kế theo Công ty SH tính toán là 59.000.000 đồng và Công ty SH cho rằng Kết luận giám định của Công ty COFEC là không đúng. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Với nội dung trên, tại bản án số 29/2022/DS-ST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

- Căn cứ:

+ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 161; Điều 162; khoản 1 Điều 244; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

+ Điểm a khoản 1 Điều 117; Điều 123; khoản 1, 2, 4 Điều 131; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Khoản 6, 7 Điều 12; điểm c khoản 1 Điều 139; Điều 111 Luật Xây dựng năm 2014;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Sĩ T đối với Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Sơn Hải QN.

- Tuyên bố hợp đồng số 01/HĐKT-XDĐT ngày 27/3/2021 về việc thi công nhà trọn gói giữa ông Vũ Sĩ T và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN vô hiệu.

- Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải hoàn trả số tiền đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình cho ông Vũ Sĩ T là 769.323.520đ (bảy trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi đồng).

- Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải bồi thường thiệt hại chi phí khắc phục, sửa chữa các lỗi do thi công sai thiết kế, không đảm bảo chất lượng cho ông Vũ Sĩ T số tiền là 384.074.720đ (ba trăm tám mươi tư triệu, không trăm bảy mươi tư nghìn, bảy trăm hai mươi đồng).

- Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình, tính từ thời điểm dừng thực hiện hợp đồng (ngày 08/7/2021) đến ngày 21/10/2022 cho ông Vũ Sĩ T với số tiền là: 99.063.577đ (chín mươi chín triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi bảy đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/11/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 39/QĐ-VKS-DS về nội dung tuyên án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm có quan điểm: Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ đúng quy định, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm. Cụ thể, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh với lý do: thứ nhất, bản án sơ thẩm xác định sai chi phí khắc phục vì: căn cứ vào kết luận giám định tư pháp thì chi phí khắc phục, sửa chữa là 18 lỗi là 480.039.400đ, tuy nhiên bản án nhận định chi phí khắc phục 25 lỗi là 480.093.400đ để tuyên bị đơn phải chịu 80% lỗi = 384.074.720đ là chưa chính xác. Thứ hai, Bản án tuyên: buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình, tính từ thời điểm dừng thực hiện hợp đồng (ngày 08/7/2021) đến ngày 21/10/2022 cho ông Vũ Sĩ T với số tiền là: 99.063.577đ là không chính xác vì: theo quy định tại điều 8 của hợp đồng *“khi hợp đồng bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền”*; Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng thì *“tiền tạm ứng hợp đồng xây dựng là khoản kinh phí mà bên giao thầu ứng trước không lãi suất cho bên nhận thầu để thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết trước khi triển khai thực hiện các công việc tho hợp đồng”*. Mặc dù ngày 8/7/2021 hai bên dừng thực hiện hợp đồng nhưng đến 04/10/2021 các bên mới ký xác nhận 23 lỗi vi phạm và

đến 30/6/2022 mới tiến hành giám định xác nhận số tiền tạm ứng chưa sử dụng hết là 769.323.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 39/QĐ-VKS-DS ngày 28/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tỉnh Quảng Ninh nằm trong thời hạn luật định, nội dung kháng nghị nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, vắng mặt nguyên đơn ông Vũ Sĩ T nhưng đã có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Anh H và bà Đinh Thị H1. Vắng mặt ông Phạm Văn Thanh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Vũ Huy H3 là người đại diện theo pháp luật của bị đơn có mặt tại phiên tòa phúc thẩm có quan điểm không ủy quyền cho ông Thanh tại phiên tòa phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kim P vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Công ty cổ phần liên doanh tư vấn và xây dựng – COFEC có văn bản đề nghị trường hợp không có mặt của người giám định thì đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử. Các đương sự có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Xét nội dung Quyết định kháng nghị số 39/QĐ-VKS-DS ngày 28/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Thứ nhất, Quyết định kháng nghị cho rằng bản án sơ thẩm xác định sai chi phí khắc phục vì: căn cứ vào kết luận giám định tư pháp thì chi phí khắc phục, sửa chữa là 18 lỗi là 480.039.400đ, tuy nhiên bản án nhận định chi phí khắc phục 25 lỗi là 480.093.400đ để tuyên bị đơn phải chịu 80% lỗi = 384.074.720đ là chưa chính xác.

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án, xem xét bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là có căn cứ, tuy nhiên nội dung kháng nghị là không cần thiết bởi: tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 27/10/2022 của Tòa án nhân dân thành phố HL đã nhận định: *“xét thấy Kết luận giám định tư pháp của Công ty COFEC về nội dung trên là khách quan, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận”*.

Như vậy, Tòa án sơ thẩm đã căn cứ vào Kết luận giám định tư pháp để tính chi phí khắc phục là chính xác, đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên đây là do nhầm lẫn số liệu và tính toán sai của Tòa án cấp sơ thẩm (vì số liệu giá trị không thay đổi) và đã được Tòa án cấp sơ thẩm sửa chữa, bổ sung tại Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 29/2022/QĐ-SCBA ngày 24/11/2022 và Tòa án sơ thẩm đã gửi cho các đương sự cũng như Viện kiểm sát. Việc sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng với quy định của tại Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó không chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện Kiểm sát.

[3.2]. Thứ hai, Quyết định kháng nghị cho rằng bản án tuyên: buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình, tính từ thời điểm dừng thực hiện hợp

đồng (ngày 08/7/2021) đến ngày 21/10/2022 cho ông Vũ Sĩ T với số tiền là: 99.063.577đ là không chính xác vì: theo quy định tại điều 8 của hợp đồng “*khi hợp đồng bị hủy bỏ thì hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền*”; Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng thì “*tiền tạm ứng hợp đồng xây dựng là khoản kinh phí mà bên giao thầu ứng trước không lãi suất cho bên nhận thầu để thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết trước khi triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng*”. Mặc dù ngày 8/7/2021 hai bên dừng thực hiện hợp đồng nhưng đến 04/10/2021 các bên mới ký xác nhận 23 lỗi vi phạm và đến 30/6/2022 mới tiến hành giám định xác nhận số tiền tạm ứng chưa sử dụng hết là 769.323.000đ.

Xét nội dung kháng nghị trên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Sau khi ký kết hợp đồng, ông Vũ Sĩ T và bà Nguyễn Thị Kim Phổ đã thanh toán cho Công ty SH 85% giá trị Hợp đồng, tương ứng với số tiền 2.417.000.000 đồng, Công ty SH đã thực hiện thi công các hạng mục công trình: nhà chính, cổng tường rào, bể bơi tính đến thời điểm dừng thi công ngày 08/7/2021 tương ứng với số tiền 1.647.676.480 đồng (theo Kết luận giám định tư pháp về xây dựng của Công ty COFEC). Do hợp đồng ký kết giữa ông T và Công ty SH vô hiệu không làm phát sinh hiệu lực, các bên phải trả cho nhau những gì đã nhận. Bản án sơ thẩm đã quyết định buộc Công ty SH hoàn trả giá trị mà ông T đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình là 769.323.520 đồng (theo Kết luận giám định tư pháp về xây dựng của Công ty COFEC) là có căn cứ, đúng quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nội dung này. Kháng nghị chỉ cho rằng bản án sơ thẩm buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình, tính từ thời điểm dừng thực hiện hợp đồng (ngày 08/7/2021) đến ngày 21/10/2022 cho ông Vũ Sĩ T với số tiền là: 99.063.577đ là không chính xác với lý do đây là số tiền tạm ứng hợp đồng xây dựng nên không tính lãi suất và theo Điều 8 của hợp đồng thì các bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền. Xét nội dung kháng nghị này là không có căn cứ, bởi lẽ:

Thời điểm dừng thi công được các bên đương sự thống nhất xác nhận và xác định là ngày 08/7/2021 (tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Vũ Huy H3 cũng đã xác nhận là ngày 08/7/2021 dừng thi công), do đó xác định ngày 08/7/2021 các bên đã thống nhất dừng thực hiện Hợp đồng, đó là thời điểm phát sinh nghĩa vụ về việc giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Công ty SH phải có nghĩa vụ trả số tiền này cho ông T nhưng chậm trả thì phải trả lãi đôi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu Công ty SH phải hoàn trả cho mình số tiền còn lại chưa thi công, Công ty SH không hoàn trả cho ông T số tiền ông T đã thanh toán theo hợp đồng mà chưa được sử dụng vào công trình thì phải chịu lãi chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn trên số tiền Công ty SH đã nhận tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình được chấp nhận. Bản án sơ thẩm buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình, tính từ thời điểm dừng thực hiện hợp đồng (ngày 08/7/2021) đến ngày 21/10/2022 cho ông Vũ Sĩ T với số tiền là: 99.063.577đ là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, đảm

bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, không có căn cứ chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 39/QĐ-VKS-DS ngày 28/11/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ:

+ Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 161; Điều 162; khoản 1 Điều 244; khoản 1, 2 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

+ Điểm a khoản 1 Điều 117; Điều 123; khoản 1, 2, 4 Điều 131; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Khoản 6, 7 Điều 12; điểm c khoản 1 Điều 139; Điều 111 Luật Xây dựng năm 2014;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Sĩ T đối với Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Sơn Hải QN.

- Tuyên bố hợp đồng số 01/HĐKT-XDĐT ngày 27/3/2021 về việc thi công nhà trọn gói giữa ông Vũ Sĩ T và Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN vô hiệu.

- Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải hoàn trả số tiền đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình cho ông Vũ Sĩ T là 769.323.520đ (bảy trăm sáu mươi chín triệu, ba trăm hai mươi ba nghìn, năm trăm hai mươi đồng).

- Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải bồi thường thiệt hại chi phí khắc phục, sửa chữa các lỗi do thi công sai thiết kế, không đảm bảo chất lượng cho ông Vũ Sĩ T số tiền là 384.031.200đ (ba trăm tám mươi tư triệu, không trăm ba mươi một nghìn, hai trăm đồng).

- Buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải trả tiền lãi phát sinh trên số tiền đã tạm ứng chưa sử dụng cho việc thi công công trình, tính từ thời điểm dừng thực hiện hợp đồng (ngày 08/7/2021) đến ngày 21/10/2022 cho ông Vũ Sĩ T với số tiền là: 99.063.577đ (chín mươi chín triệu, không trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi bảy đồng).

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và giám định: buộc Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và giám định. Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải hoàn trả cho ông Vũ Sĩ T số

tiền mà ông T đã nộp tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và giám định tư pháp là 101.900.000đ (một trăm lẻ một triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng SH QN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 49.572.548đ (bốn mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm bốn mươi tám đồng).

- Ông Vũ Sĩ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.800.934đ (bốn triệu, tám trăm nghìn, chín trăm ba mươi bốn đồng). Hoàn trả cho ông Vũ Sĩ T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (sau khi đối trừ đi án phí dân sự phải nộp) là 22.421.336đ (hai mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi một nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0000424 ngày 24/2/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố HL, tỉnh Quảng Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự 2008 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự 2008, sửa đổi bổ sung 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự 2008.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố HL;
- CCTHADS thành phố HL;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thanh